

A-TUAI KT

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 69 /2014/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 12 năm 2014

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu, sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh và cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 146/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức thu, sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3270A/SKHĐT-ĐKKD ngày 26/12/2014.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu, sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh và cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**2. Đối tượng chịu lệ phí:** Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

### **3. Đối tượng nộp lệ phí**

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã (trong đó gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin).

b) Tổ chức, cá nhân đề nghị cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

### **4. Các trường hợp không thu lệ phí**

a) Không thu lệ phí đăng ký kinh doanh đối với các trường hợp sau đây:

- Việc đăng ký kinh doanh lại hợp tác xã đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phải đăng ký lại tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện theo quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh hợp tác xã tại Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

- Việc bổ sung, thay đổi những thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

- Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh thì hợp tác xã có quyền gửi thông báo yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh hiệu đính nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho phù hợp với hồ sơ đăng ký kinh doanh đã nộp).

b) Không thu lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đối với cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước; cá nhân có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin để phục vụ cho hoạt động tố tụng.

### **5. Tổ chức thu lệ phí**

a) Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh đối với liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: Thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã trên địa bàn huyện.

**6. Mức thu lệ phí:** Mức thu lệ phí áp dụng theo biểu mức cụ thể sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
<b>I</b>	<b>Mức thu lệ phí đối với Liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thu</b>		
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	Đồng/lần	150.000
2	Cấp thay đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) do bị mất, cháy, rách, nát hoặc tiêu hủy	Đồng/lần	20.000
3	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	Đồng/lần	100.000
4	Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	Đồng/bản	2.000
5	Lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh	Đồng/lần cung cấp	10.000
<b>II</b>	<b>Mức thu lệ phí đối với hợp tác xã do phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thu</b>		
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã	Đồng/lần	100.000
2	Cấp thay đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) do bị mất, cháy, rách, nát hoặc tiêu hủy	Đồng/lần	20.000
3	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Đồng/lần	50.000
4	Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh	Đồng/bản	2.000

	doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân		
5	Lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh	Đồng/lần cung cấp	10.000

**7. Tỷ lệ trích để lại cho cơ quan thu lệ phí:** Cơ quan thu phí được trích để lại 100% trên tổng số lệ phí thu được để thực hiện công tác cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

## **8. Chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán lệ phí**

### **a) Chứng từ thu lệ phí**

Đơn vị, tổ chức thu lệ phí phải lập và cấp biên lai cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định hiện hành.

### **b) Thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí**

- Thu nộp lệ phí: Định kỳ trước ngày 05 hàng tháng, đơn vị thu lệ phí thực hiện kê khai kết quả số tiền lệ phí trước ngày 05 hàng tháng, đơn vị thu lệ phí thực hiện kê khai kết quả số tiền lệ phí thu được của tháng trước gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo mẫu quy định.

- Quản lý, sử dụng lệ phí: Phần lệ phí mà đơn vị thu được để lại sử dụng trang trải chi phí cho việc thực hiện thu lệ phí được chi dùng theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành về tài chính.

### **c) Lập dự toán thu - chi hành năm và quyết toán lệ phí**

- Hàng năm, đơn vị thu lệ phí phải lập dự toán thu - chi về lệ phí đúng quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán theo Luật Ngân sách nhà nước hiện hành gửi cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền lệ phí để kiểm soát thu - chi theo quy định hiện hành.

- Định kỳ cuối quý, năm đơn vị lệ phí phải lập quyết toán lệ phí gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp để thẩm tra quyết toán và thông báo duyệt quyết toán năm. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền lệ phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

## **9. Công khai chế độ thu phí**

Đơn vị thu lệ phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu lệ phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp lệ phí dễ nhận biết theo quy định tại phần Đ, Mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính gồm: Niêm yết tên lệ phí, mức thu, chứng từ thu, thông báo công khai văn bản quy định thu lệ phí.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này theo quy định, đúng chế độ tài chính, kế toán hiện hành; định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế Đồng Nai, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Minh Phúc**